

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 201/2024/DS-ST

Ngày: 25/6/2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành Dương.
- Bà Võ Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 09/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/QĐST-DS ngày 29/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C;

Địa chỉ: Số A Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Kim P - Phó Giám đốc (Theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019). Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số A P, khu phố A, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm: 1972; Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng vay vốn (Sổ vay vốn) số 7118114771 ông T1 và bà N đã vay vốn Ngân hàng như sau:

1/ Ngày 05/10/2022 ông T1 và bà N có vay vốn Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất cho vay 9%/năm, phân kỳ 06 trả 01 kỳ, số tiền mỗi kỳ: 2.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 15/11/2023 là 20.000.000 đồng.

1/ Ngày 05/10/2022 ông **T1** và bà **N** có vay vốn Chương trình hộ mới thoát nghèo số tiền là 80.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8,25%/năm, phân kỳ 12 trả 01 kỳ, số tiền mỗi kỳ: 16.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 15/11/2023 là 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Theo Thông báo tham gia tố tụng số 194/TB-TA ngày 08/11/2023 của Tòa án thì ông **T1** và bà **N** đang tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Để thu hồi nguồn vốn cho vay ưu đãi của Chính phủ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng

Ngân hàng yêu cầu bà **Huỳnh Thị Tuyết N** và ông **Nguyễn Văn T1** trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 15/11/2023 là 100.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ theo kế ước vay cho đến khi thi hành án xong.

\* Bị đơn bà **Huỳnh Thị Tuyết N** và ông **Nguyễn Văn T1** mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà **N**, ông **T1** nhưng do bà **N**, ông **T1** vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt bà **N1**, ông **T1** và không hòa giải vụ án được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa **Ngân hàng C** và bà **Huỳnh Thị Tuyết N** là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công.

[2] Về tố tụng: Đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà **Huỳnh Thị Tuyết N** và ông **Nguyễn Văn T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: **Ngân hàng C** khởi kiện yêu cầu bà **N** và ông **T1** trả cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 15/11/2023 100.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ theo kế ước vay cho đến khi thi hành án xong. Xét thấy ông **T1** và bà **N** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông **T1** và bà **N** phải trả cho Ngân hàng tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ theo kế ước vay cho đến khi thi hành án xong. Thực hiện trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Huỳnh Thị Tuyết N** và ông **Nguyễn Văn T1** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; 466; khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) một lần khi án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi còn nợ theo khế ước vay cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T1 nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**\*Nơi nhận:**

-TAND tỉnh TG

-VKSND TPGC

-CCTHADS TPGC

-Các đương sự

-Lưu: HS, AV

**LÊ THỊ HẰNG**